

QUỸ ETF SSIAM VN30

Số/No.: 439 /2024/TB-SSIAM-NVQ

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2024

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi/ To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

- Tên Công Ty Quản Lý Quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI
- Tên tổ chức: **Quỹ ETF SSIAM VN30**
- Mã chứng khoán: **FUESSV30**
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 5, Tòa nhà số 1C Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại: 0243.9366321
- Fax: 0243.9366337
- Người thực hiện công bố thông tin: Bà Nguyễn Ngọc Anh
- Chức vụ: Tổng Giám Đốc

### Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo tổng kết hoạt động của Công ty quản lý quỹ năm 2023 của Quỹ ETF SSIAM VN30.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty/Quỹ vào ngày 21/03/2024 tại đường dẫn: <https://www.ssi.com.vn/ssiam/san-pham-va-dich-vu-ssiam>.

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:  
Báo cáo tổng kết hoạt động của Công ty  
quản lý quỹ năm 2023 của Quỹ ETF  
SSIAM VN30

Người công bố thông tin



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Nguyễn Ngọc Anh*

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2024

**BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ**  
**Năm 2023**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

**1. Thông tin về quỹ**

a) Tên của Quỹ: QUỸ ETF SSIAM VN30 ("Quỹ")

Loại hình Quỹ: Quỹ hoán đổi danh mục

b) Mục tiêu đầu tư của Quỹ:

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là hướng tới đạt hiệu quả đầu tư bám sát mức sinh lời thực tế của Chỉ số VN30 trong tất cả các giai đoạn.

c) Thời hạn hoạt động của Quỹ: không giới hạn

d) Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio): Danh mục chỉ số VN30

Mã cổ phiếu và tỷ trọng của FUESSV30 tại ngày 31/12/2023 như sau:

Số thứ tự	Mã cổ phiếu	Tỷ trọng (% Tổng tài sản)
1	ACB	7,05%
2	BCM	0,45%
3	BID	0,83%
4	BVH	0,28%
5	CTG	1,84%
6	FPT	8,76%
7	GAS	0,73%
8	GVR	0,29%
9	HDB	3,47%
10	HPG	7,55%
11	MBB	4,52%
12	MSN	3,64%
13	MWG	4,23%
14	PLX	0,37%
15	POW	0,44%
16	SAB	0,75%
17	SHB	2,64%
18	SSB	2,72%
19	SSI	2,91%
20	STB	4,45%



Số thứ tự	Mã cổ phiếu	Tỷ trọng (% Tổng tài sản)
21	TCB	6,14%
22	TPB	1,94%
23	VCB	4,17%
24	VHM	4,77%
25	VIB	2,31%
26	VIC	4,31%
27	VJC	2,71%
28	VNM	4,77%
29	VPB	9,00%
30	VRE	1,77%
<b>Tổng</b>		<b>99,81%</b>

e) Chính sách phân chia lợi nhuận:

- Quỹ chi trả lợi tức quỹ bảo đảm nguyên tắc:
  - Phù hợp với chính sách phân chia lợi nhuận quy định tại Điều Lệ Quỹ;
  - Thực hiện sau khi Quỹ đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại Điều Lệ Quỹ (nếu có);
  - Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải bảo đảm có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và bảo đảm giá trị tài sản ròng không thấp hơn năm mươi (50) tỷ VND;
- Trường hợp phân phối lợi tức bằng chứng chỉ quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
- Hình thức phân chia lợi nhuận có thể bằng tiền hoặc bằng chứng chỉ quỹ.
- Việc phân chia lợi nhuận của Quỹ được thực hiện trên cơ sở đề xuất của Công Ty Quản Lý Quỹ và phải được Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc Ban Đại Diện Quỹ (nếu được ủy quyền) chấp thuận.
- Nhà Đầu Tư có tên trong Danh sách Nhà Đầu Tư tại Ngày Giao dịch được công bố bởi Công Ty Quản Lý Quỹ cho việc phân chia lợi nhuận ("Ngày Chốt Danh Sách") được coi là đủ điều kiện để nhận lợi nhuận được phân chia. Trường hợp Nhà Đầu Tư đã chuyển nhượng số đơn vị quỹ của mình giữa thời điểm Ngày Chốt Danh Sách và ngày chi trả thì người chuyển nhượng là người được nhận lợi nhuận.

f) Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành:

Tổng số lượng chứng chỉ quỹ tại ngày 01/01/2023	5.400.000	ccq
Tổng số lượng chứng chỉ quỹ phát hành thêm trong kỳ	4.900.000	ccq
Tổng số lượng chứng chỉ quỹ mua lại trong kỳ	(100.000)	ccq
Tổng số lượng chứng chỉ quỹ cuối kỳ	10.200.000	ccq

g) Nội dung thay đổi tại Điều lệ quỹ trong kỳ báo cáo (nếu có): không thay đổi.

h) Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo (nếu có): vui lòng xem Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm 2023 theo đường link sau:

<https://www.ssi.com.vn/ssiam/cong-bo-thong-tin-vn30-cbtt-chi-tiet/etf-ssiam-vn30-cong-bo-thong-tin-nghi->

i) Ý kiến nhận xét của ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Thông tư hướng dẫn về hoạt động và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán:

Xem chi tiết tại Mục 4. Báo cáo về hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát.

## 2. Báo cáo về kết quả hoạt động của Quỹ

a) Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của Quỹ tại thời điểm 31/12/2023 của 3 năm gần nhất:

Quỹ được Ủy Ban Chứng Khoán nhà nước cấp giấy chứng nhận lập quỹ số 45/GCN-UBCK ngày 22/07/2020.

- Danh mục đầu tư của Quỹ phân bố theo ngành, lĩnh vực và loại sản phẩm (cổ phiếu, trái phiếu...) (%NAV) tại ngày 31/12/2023:

### Cơ cấu tài sản

Loại tài sản (% Tổng tài sản)	31/12/2023	31/12/2022	31/12/2021
1. Danh mục chứng khoán	99,81%	99,74%	99,68%
2. Tài sản khác	0,19%	0,26%	0,32%
<b>Tổng cộng</b>	<b>100,00%</b>	<b>100,00%</b>	<b>100,00%</b>

### Phân bố theo ngành

STT	Ngành (% Tổng tài sản)	31/12/2023 %	31/12/2022 %	31/12/2021 %
1	Tài chính	54,28	46,09	42,73
2	Bất động sản	11,31	16,00	22,16
3	Tiêu dùng thiết yếu	9,16	14,12	11,59
4	Công nghệ thông tin	8,76	7,43	5,07
5	Vật liệu	7,83	6,20	8,33
6	Tiêu dùng không thiết yếu	4,23	4,89	5,67
7	Công nghiệp	2,71	3,07	2,43
8	Dịch vụ tiện ích	1,18	1,52	1,23
9	Năng lượng	0,37	0,42	0,47
10	Tiền và tương đương tiền	0,18	0,26	0,32
<b>Tổng cộng</b>		<b>100,00</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>



Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2022	31/12/2021
2.1. Giá trị tài sản ròng của Quỹ	142.395.687.583	66.893.727.787	108.367.940.621
2.2. Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành	10.200.000	5.400.000	5.700.000
2.3. Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (CCQ)	13.960,36	12.387,72	19.011,91
2.4. Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	15,544,04	19.296,10	19.475,06
2.5. Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	12.386,50	11.161,55	12.551,37
2.6. Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo	13.970	12.480	19.000
2.7. Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	15.450	19.260	20.850
2.8. Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	12.350	10.890	12.900
2.9. Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	12,70%	-34,84%	43,85%
2.10. Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ (%)	1,66%	1,60%	1,57%
2.11. Tốc độ vòng quay danh mục (%)	17,94%	9,70%	21,80%

- Tỷ lệ chi phí hoạt động năm 2023 tăng nhẹ so với năm 2022 do chi phí hoạt động của Quỹ tăng cùng với sự tăng lên của giá trị tài sản ròng trung bình. Trong đó, mức tăng của chi phí hoạt động lớn hơn mức tăng của giá trị tài sản ròng trung bình.

- Tốc độ vòng quay danh mục năm 2023 tăng so với năm 2022 do giá trị giao dịch của Quỹ tăng cùng với sự tăng lên của giá trị tài sản ròng trung bình. Trong đó, mức tăng của giá trị giao dịch lớn hơn mức tăng của giá trị tài sản ròng trung bình.

- Tổng lợi nhuận của Quỹ, nêu chi tiết phần lợi nhuận thu được từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (giá trị lãi vốn) và phần lợi nhuận thu được từ lợi tức chứng khoán (cả tức, trái tức, lãi suất tiền gửi...) (giá trị thu nhập);

Chỉ tiêu	Số tiền (VND)
2.12. Lãi do đánh giá các khoản đầu tư chưa thực hiện	12.286.535.473
2.13. Lợi nhuận thu được từ lợi tức chứng khoán (cổ tức, trái tức, lãi suất tiền gửi...)	2.119.473.349
2.14. Lợi nhuận thu được từ bán cổ phiếu	(1.593.412.023)
2.15. Tổng chi phí	(1.750.368.853)
<b>Tổng cộng</b>	<b>11.062.227.946</b>

- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ báo cáo, kể cả trong

trường hợp chi trả bằng tiền mặt hoặc chi trả bằng đơn vị quỹ; Thời điểm phân chia lợi nhuận; Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận: Quỹ không thực hiện phân chia lợi nhuận trong kỳ.

- Thông tin về các khoản vay nợ, các hạng mục thanh toán trả sau của Quỹ (nếu có), các giao dịch repo/reverse repo: không có

b) Chỉ tiêu về lợi nhuận của Quỹ:

Tổng lợi nhuận bình quân năm của Quỹ phát sinh trong kỳ báo cáo xác định:

Tính tới ngày lập báo cáo	Tổng lợi nhuận bình quân (VND)
i) 1 năm	11.062.227.946
ii) 3 năm	2.381.706.833
iii) 5 năm	Không áp dụng (*)

(\*) Quỹ thành lập ngày 22/06/2020 nên không có đủ dữ liệu của 5 năm gần nhất.

c) Các chỉ tiêu so sánh khác, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc:

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác: nguyên tắc xác định giá trị tài sản của Quỹ được quy định chi tiết trong Điều lệ Quỹ và sổ tay định giá của Quỹ.

- Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập: Báo giá chứng khoán được cung cấp bởi 2 Công ty Chứng khoán độc lập được Ban Đại diện phê duyệt hàng năm.

d) Báo cáo phải nêu rõ khuyến cáo rằng các thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

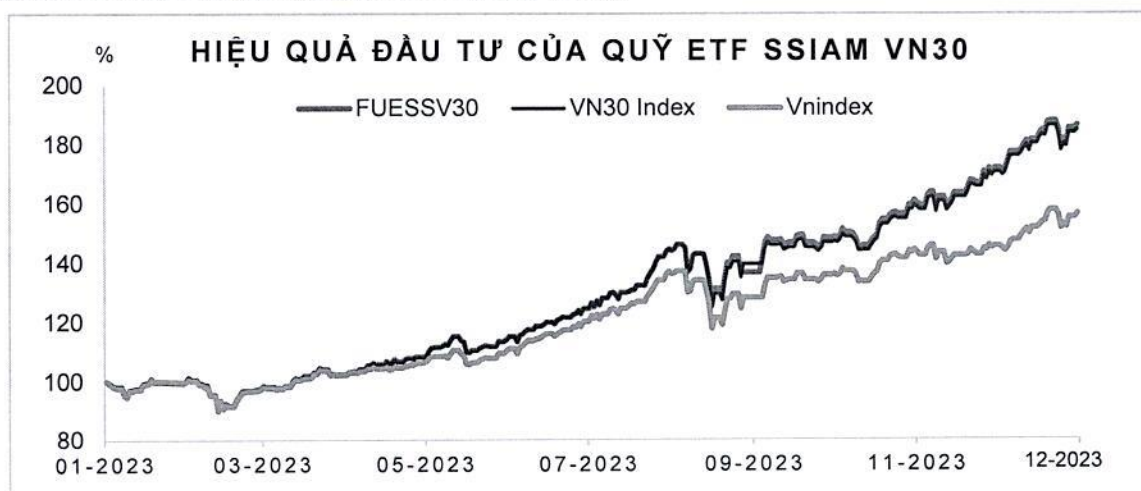
### 3. Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ

Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ phải bao gồm các nội dung sau:

a) Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ (nếu có): không có

b) Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư (thuyết minh này chỉ cần thiết tại báo cáo hàng năm của Quỹ): Chênh lệch so với chỉ số tham chiếu (Tracking error/TE) trong kỳ báo cáo không vượt mức **0,60%** đạt tiêu chí đầu tư của Quỹ.

c) So sánh kết quả lợi nhuận của Quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bằng đồ thị):





d) So sánh kết quả lợi nhuận của Quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian 05 năm gần nhất (\*), tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị):



(\*) Quỹ kết thúc vốn góp ngày 22/07/2020.

e) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ:

Trong kỳ báo cáo, Quỹ theo đuổi chiến lược đầu tư thụ động với mục tiêu bám sát tỷ lệ lợi nhuận của Chỉ số VN30 và không chủ động lựa chọn cổ phiếu dựa trên các nhận định về tình hình kinh tế vĩ mô, phân tích ngành và phân tích công ty. Quỹ đầu tư 30/30 cổ phiếu trong danh mục rõ VN30 với tỷ trọng tương ứng nhằm bám sát tỷ lệ sinh lời của chỉ số VN30.

f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của Quỹ năm liền kề năm báo cáo:

Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31/12/2023 không thay đổi nhiều so với cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ năm liền kề khi tỷ trọng đầu tư cổ phiếu chiếm trên 99%, do Quỹ là loại hình quỹ hoán đổi danh mục mô phỏng theo chỉ số. Sự khác biệt chủ yếu giữa 2 kỳ do sự thay đổi cơ cấu tỷ trọng danh mục đầu tư khi chỉ số tái cơ cấu.

g) Phân tích kết quả hoạt động của Quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có) tại kỳ báo cáo này tại kỳ báo cáo gần nhất:

Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ tại ngày 31/12/2023 của Quỹ ETF SSIAM VN30 là 13.960,36 đồng, tăng khoảng 12,70% so với giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ tại ngày 31/12/2022 là 12.387,72 đồng, cùng thời gian đó chỉ số tham chiếu tăng tương ứng 12,56%.

h) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản: cổ phiếu, cổ phiếu blue-chips, cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (small-cap):

Chỉ số VN-Index tăng 12,2% trong năm 2023 và vượt qua các chỉ số trong khu vực bao gồm chỉ số SET của Thái Lan (-15,2%), chỉ số PCOMP của Philippines (-1,8%), và chỉ số JCI của Indonesia (+6,2%). Sau một năm 2022 đầy khó khăn với sự sụt giảm mạnh 32,8%, VN-Index đã phục hồi trong nửa đầu 2023 nhờ dòng tiền từ các nhà đầu tư nước ngoài. Sự phục hồi của VN-Index được củng cố bởi các nhà đầu tư cá nhân khi họ trở lại thị trường chứng khoán và đẩy giá trị giao dịch trung bình mỗi ngày lên mức cao khoảng 900 triệu USD vào tháng Tám năm 2023. Môi trường lãi suất thấp ở Việt Nam và lợi nhuận cao từ thị



trường chứng khoán đã thu hút các nhà đầu tư cá nhân, do đó, tăng mạnh số tài khoản giao dịch mới lên mức cao nhất là 190.000 vào tháng Tám năm 2023. Tuy nhiên, thị trường chứng khoán không thể duy trì đà tăng của mình và mất đi đà tăng do áp lực bán ra từ các nhà đầu tư nước ngoài tăng lên. Việc tăng lãi suất của Fed và định giá tương đối cao của VN-Index đã kích thích áp lực bán ra từ các nhà đầu tư nước ngoài và đẩy chỉ số này giảm gần 20% trước khi hồi phục khoảng 11% để kết thúc năm 2023 ở mức 1.129,93 điểm.

Năm 2023 chứng kiến sự chênh lệch về hiệu suất của các ngành. Công nghệ thông tin, nguyên vật liệu, công nghiệp và tài chính là những ngành có hiệu suất tốt nhất trong năm 2023 sau khi ghi nhận sự suy giảm mạnh từ 25 đến 50% trong năm 2022. Nhu cầu mạnh mẽ về chuyển đổi số, đầu tư hạ tầng tăng và dòng vốn FDI bền vững là các động lực chính cho sự phát triển của các ngành này. Ngược lại, hàng tiêu dùng thiết yếu, bất động sản và tiện ích là những ngành có hiệu suất kém hơn. Vấn đề pháp lý, nhu cầu suy yếu và quá trình giảm nợ của các nhà phát triển bất động sản tiếp tục làm suy yếu ngành bất động sản. Sự tham gia mạnh mẽ của các nhà đầu tư cá nhân là điểm sáng của thị trường, giúp cân bằng áp lực bán từ các nhà đầu tư nước ngoài với giá trị bán ròng đạt 1 tỷ USD. Các nhà đầu tư cá nhân tập trung vào các cổ phiếu vừa và nhỏ, giúp nhóm cổ phiếu vừa và nhỏ tăng trưởng 30 - 32%, vượt trội so với cổ phiếu vốn hóa lớn (+12,6%). Do đó, định giá của cổ phiếu vừa và nhỏ trở nên cao hơn, lần lượt là 32,4 và 18,4 lần lợi nhuận so với cổ phiếu vốn hóa lớn (với P/E ở mức 11,7 lần).

#### Lợi nhuận đầu tư đối với các loại tài sản:

Lãi theo tài sản	Lãi/(lỗ) đã thực hiện	Lãi/(lỗ) chưa thực hiện
Cổ phiếu	(1.593.412.023)	12.286.535.473
<i>Trong đó:</i>		
Vốn hóa lớn	(1.230.267.168)	11.656.514.501
Vốn hóa vừa	(363.144.855)	630.020.972
Vốn hóa nhỏ	-	-
<b>Tổng</b>	<b>(1.593.412.023)</b>	<b>12.286.535.473</b>

i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có); ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách): không có

k) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ: không có

l) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan (nếu có): không có

m) Các thông tin khác (nếu có).

#### 4. Báo cáo về hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát

Ngân hàng giám sát phải đưa ra ý kiến về sự tuân thủ quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch của Công ty quản lý quỹ trong quá trình vận hành và quản lý quỹ đối với các nội dung sau:

a) Thuyết minh về việc thay đổi ngân hàng giám sát (nếu có): Trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023, Quý không thay đổi Ngân hàng giám sát.

b) Việc đầu tư tuân thủ các hạn chế về đầu tư, hạn chế về vay theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch: Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quý cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023, Quý đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quý và các văn bản pháp luật liên quan tới quỹ hoán đổi danh mục. Tính đến ngày 30 tháng 06 năm 2023, danh mục cổ phiếu niêm yết của Quý là 105.174.214.450 đồng, chiếm 99,64% tổng giá trị tài sản của Quý. Tiền gửi của Quý tại Ngân hàng giám sát là 135.876.637 đồng và 242.935.774 đồng là các tài sản khác (bao gồm các khoản phải thu và cổ tức được nhận).



c) Việc xác định giá trị tài sản ròng theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch: Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ ETF SSIAM VN30 đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

- Theo Báo cáo tài chính của Quỹ tính đến ngày 30 tháng 06 năm 2023, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ là +57,42% so với số liệu tại ngày 31/12/2022, thay đổi giá trị tài sản ròng trên chứng chỉ quỹ (NAV/CCQ) của Quỹ là +11,85%, thay đổi giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu là 33,87% so với từ khi thành lập. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, giá trị tài sản ròng của Quỹ là 105.300.870.758 đồng. Giá trị tài sản ròng trên chứng chỉ quỹ trong năm cao nhất vào ngày 28/06/2023 (14.078,04) và thấp nhất vào ngày 02/01/2023 (12.386,50).

- Tính đến ngày 30 tháng 06 năm 2023, giá trị tài sản ròng của 01 lô chứng chỉ Quỹ là 1.385.537.773 đồng, giá trị tài sản ròng của 01 chứng chỉ Quỹ là 13.855,37 đồng.

- Quỹ không có hoạt động repo.

- Trong kỳ Quỹ có hoạt động tái cấu trúc danh mục với tổng giá trị mua vào là 4.109.265.000 đồng và tổng giá trị bán ra là 2.856.531.850 đồng.

d) Việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch: Trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023, Quỹ đã thực hiện các giao dịch hoán đổi Chứng chỉ Quỹ phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, Quỹ đã thực hiện:

- Phát hành thêm 2.300.000 chứng chỉ Quỹ, tương ứng với tổng giá trị phát hành theo mệnh giá là 23.00.000.000 đồng.
- Mua lại 100.000 chứng chỉ Quỹ, tương ứng với tổng giá trị mua lại theo mệnh giá là 1.000.000.000 đồng.

- Số lượng Nhà đầu tư bao gồm cả Công ty Quản lý Quỹ và Người có liên quan tính đến ngày 31/12/2023 là 1.318 Nhà Đầu tư trong đó công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ chiếm 28,03%.

e) Việc phân chia lợi nhuận của Quỹ là phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

## 5. Báo cáo về hoạt động ủy quyền

Công ty quản lý quỹ phải lập báo cáo đánh giá chất lượng dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức khác (bên nhận ủy quyền), như dịch vụ đại lý chuyển nhượng, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng... với các nội dung sau:

a) Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của Quỹ:

Chỉ tiêu	Tỷ lệ so với lợi nhuận	Tỷ lệ so với thu nhập	Tỷ lệ so với tổng chi phí hoạt động
Chi phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	0,60%	0,52%	3,77%
Chi phí dịch vụ Quản trị quỹ	1,79%	1,55%	11,31%
Tiền dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu (iNAV)	0,51%	0,44%	3,23%



b) Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của Quý: Chỉ làm tăng chi phí nhưng không đáng kể, hạn chế tối thiểu mức độ rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động của Quý

c) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ):

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (VND)
1	Chi phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	66.000.000
2	Chi phí dịch vụ Quản trị quỹ	198.000.000
3	Tiền dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu (iNAV)	56.457.288
<b>Tổng chi phí cho hoạt động ủy quyền</b>		<b>320.457.288</b>

d) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.

Trong kỳ báo cáo, các đơn vị nhận ủy quyền cung cấp dịch vụ quản trị quỹ, đại lý chuyển nhượng, dịch vụ tính Giá Trị Tài Sản Ròng tham chiếu (iNAV), TE cho Quý đã duy trì đủ trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, an ninh hệ thống, hệ thống dự phòng thảm họa, hệ thống dự phòng nóng, quy trình nghiệp vụ, hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện các hoạt động ủy quyền. Các hoạt động ủy quyền trong kỳ báo cáo đã được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của Nhà Đầu Tư của Quý.

#### **Đánh giá dịch vụ Quản trị quỹ**

Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Hội sở chính (“Ngân hàng”) hiện đang là đơn vị được ủy quyền hoạt động dịch vụ Quản trị quỹ. Các hệ thống hiện có để cung cấp dịch vụ Quản trị quỹ có nhiều ưu điểm và được thiết lập cơ chế bảo mật do mỗi hệ thống khi thiết lập quyền truy cập đều có các nguyên tắc thiết lập mang tính bảo mật cao. Hệ thống kế toán và định giá chứng chỉ quỹ của Ngân hàng đã đáp ứng được yêu cầu của Công ty Quản Lý Quỹ. Các hệ thống đều được lưu trữ dữ liệu hàng kỳ và có chương trình dự phòng thảm họa. Quy trình dự phòng thảm họa của Ngân hàng được thiết lập chi tiết, bài bản để khắc phục các thảm họa trong khoảng thời gian phù hợp nhất để đảm bảo hoạt động ít bị ảnh hưởng và các tổn thất là tối thiểu.

Dữ liệu được lưu trữ đúng theo quy định hiện hành của Pháp luật Việt Nam. Hệ thống lưu trữ thông tin của khách hàng luôn được bảo mật cao với cơ chế bảo mật tối đa. Ngoài dữ liệu dạng cứng, Ngân hàng còn thiết lập quy trình đảm bảo bảo mật thông tin một cách hiệu quả qua dữ liệu gửi qua email với các phương thức bảo mật như: tường lửa, yêu cầu xác nhận, thẩm quyền trong quá trình tương tác thông tin.

Hệ thống quản trị rủi ro của Ngân hàng đảm bảo tất cả nhân viên của Ngân hàng tại các vị trí đều có trách nhiệm kiểm soát và tuân theo chính sách quản trị rủi ro. Các báo cáo chỉ số đánh giá hoạt động chính và báo cáo tiêu chuẩn kiểm soát chính được thực hiện hàng tháng và được xem xét bởi Ủy Ban Quản lý rủi ro tại các cuộc họp về rủi ro quản trị. Ngân hàng xây dựng các phương pháp nhằm hạn chế các rủi ro về hoạt động, rủi ro công nghệ, và rủi ro con người.

#### **Đánh giá dịch vụ Đại Lý Chuyển Nhượng (“VSDC”)**

VSDC đang là nhà cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng cho Quý.

Về cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng quỹ hoán đổi danh mục của VSDC có các tính năng đáp ứng các nhu cầu dịch vụ của Đại Lý Chuyển Nhượng. Hệ thống có chức năng phân quyền linh hoạt, có thiết kế mở cho phép kết nối với các hệ thống thành viên khác. Hệ thống đáp ứng đầy đủ nhu cầu về nghiệp vụ Đại lý Chuyển Nhượng về việc Quản lý sổ nhà đầu tư, quản lý dữ liệu, phân bổ giao dịch và các hoạt động khác đáp ứng nhu cầu của Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại lý phân phối, và Ngân hàng giám sát, tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ....



*lu*



Quy trình lưu trữ dữ liệu và kế hoạch dự phòng dữ liệu đảm bảo quy trình được diễn ra thông suốt. Hệ thống máy chủ của dịch vụ được đặt tại Trụ sở chính Hà Nội. Hệ thống dự phòng được đặt tại chi nhánh của VSDC tại TP. Hồ Chí Minh, đồng thời dữ liệu được sao lưu hàng ngày ra băng từ và được lưu trữ tại VSDC và lưu trữ từ xa. Dữ liệu hàng ngày được đồng bộ từ hệ thống chính vào hệ thống dự phòng và được khởi động trong vòng 30 phút kể từ khi có sự cố xảy ra.


### **Đánh giá dịch vụ tính Giá Trị Tài Sản Ròng tham chiếu (iNAV) và TE**

Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh hiện đang là tổ chức cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu.

Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh đã đáp ứng được các yêu cầu về cơ sở vật chất kỹ thuật. Quy trình nghiệp vụ được thực hiện chính xác, giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một chứng chỉ quỹ (iNAV) được công bố mười lăm giây một lần và được công bố trên các trang thông tin điện tử của Sở Giao Dịch Chứng Khoán. Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh đã tính toán mức sai lệch đúng theo công thức quy định tại Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

### **Đánh giá dịch vụ Đại Lý Phân Phối**

Các Thành viên lập quỹ (TVLQ) kiêm Đại lý phân phối đều đáp ứng được yêu cầu về việc kết nối với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam và nhà cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng, đảm bảo quy trình nghiệp vụ của TVLQ diễn ra thông suốt không bị gián đoạn. TVLQ đã đáp ứng được yêu cầu về quy trình ngăn giao dịch muộn, các quy trình về lưu trữ thông tin và bảo mật thông tin khách hàng.

 **TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC)**  
**CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Nguyễn Ngọc Anh*